TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thảo.
2. Ông Võ Anh Tài.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A:* Bà Nguyễn Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 6, phường X, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: thôn E, xã E1, huyện E2, tỉnh Hà Tĩnh. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 6, phường X, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Bà Cao Thị S, sinh năm: 1985 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Đào Thị M, Giáo viên giảng dạy cho người câm điếc khuyết tật tại Trung Tâm bảo trợ xã hội Đồng Tâm, tỉnh Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã E1, huyện E2, tỉnh Hà Tĩnh. Từ khi cưới nhau hai vợ chồng có thời gian sống chung hạnh phúc và sinh được 02 người con là: Lê Quốc P, sinh ngày 27/12/2010 và Lê L, sinh ngày 08/11/2015. Thời gian sau hai vợ chông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh T thường xuyên đánh đập, coi thường vợ con, Chị H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị làm đơn yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: chị yêu cầu trực tiếp được nuôi 02 con chung là cháu Duy, cháu Hữu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại đơn xin không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt ngày 08/6/2020 Chị H trình bày: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, về con chung: Chị H thay đổi một phần ý kiến yêu cầu về nuôi con chung, đó là Chị H đồng ý giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con vì chị hiện không có chỗ ở và công việc ổn định.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Quốc Trung trình bày: Về quá trình kết hôn và sống chung và con chung như Chị H trình bày: anh cho biết đầu năm 2020 giữa anh và Chị H phát sinh mâu thuẫn, Chị H đã bỏ đi từ đó đến nay không liên lạc, anh không biết Chị H hiện nay ở đâu và làm gì. Từ nhỏ đến giwof 02 con vẫn sống chung với anh, Chị H từ khi bỏ đi đến nay không có trách nhiệm gì với cha con anh.

Nay Chị H yêu cầu được luy hôn anh đồng ý, anh đồng ý nuôi cả hai con chung. Anh không cũng không yêu cầu Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không có và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H, cho Chị H được ly hôn với anh T; Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Chị H và ý kiến đồng ý của anh T, giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, vì hiện nay Chị H chưa có chỗ ở và công việc làm ổn định, Chị H được thăm nom con chung nhưng không được cản trở việc nuôi con của anh T. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu, Chị H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu Lê Quốc P, sinh ngày 27/12/2010 và Lê L, sinh ngày 08/11/2015 cho đến khi cháu P, L, thành niên và tự lực được; anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: nguyên đơn Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn anh T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn, bị đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Chị H yêu cầu ly hôn với anh Lê Quốc T; địa chỉ: Tổ 6, phường X, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A,

tỉnh Gia Lai. Chị H có đơn xin xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống Chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn gay gắt, Chị H đã bỏ đi từ tháng 2/2020 đến nay, không quan tâm, lo lắng gì cho anh T và các con, tại phiên tòa hôm nay anh T chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị H được lly hôn với anh T.

[3] Về việc nuôi con: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lê Quốc P, sinh ngày 27/12/2010 và Lê L, sinh ngày 08/11/2015. Hiện cả 02 cháu đang sống chung với anh T từ tháng 01/2020 đến nay, anh T có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Duy là muốn ở với em và với cha. Chị H đồng ý giao cả 02 con cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị H ly hôn với anh Lê Quốc T.

2. Về con chung: giao cho anh T được tiếp tục nuôi là cháu Lê Quốc P, sinh ngày 27/12/2010 và Lê L, sinh ngày 08/11/2015 khi các cháu chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004292 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (25/8/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã E, huyện E1, Tỉnh Hà Tĩnh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Long Sơn